TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HS-ST
Ngày: 06-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị M Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Kim Quỳ.
2. Ông Trần Văn Khiêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Trần Viết Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 2 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn M**, sinh năm 1958. Giới tính: nam; ĐKHKTT và nơi cư trú: Xóm 15 xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công chức xã; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, ngày 25/9/2019 Uỷ ban kiểm tra, Đảng bộ huyện N, tỉnh Nam Định có quyết định số 83-QĐ/UBKT về việc đình chỉ sinh hoạt đảng; Trình độ văn hoá (học vấn): 10/10; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn C (đã chết); con bà Lương Thị C, sinh năm 1939; Gia đình có 8 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Trần Thị H, sinh năm 1961; Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt từ ngày 19-9-2019. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn M theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Bộ luật tố tụng hình sự: Luật sư Vũ Thị Sao M – Đoàn luật sư tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cácTliệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 8 năm 2007, ông Đoàn Văn B, sinh năm 1952; trú tại xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (đã chết năm 2009) liên hệ nhờ Trần Văn M hướng dẫn làm thủ tục nhập khẩu cho Đặng A Tvào hộ gia đình nhà ông B (tại thời điểm này M đang là Phó trưởng Công an xã N, huyện N). Khi nhờ M nhập hộ khẩu, ông B giới thiệu Đặng A Tlà con rể. M trao đổi với ông B nóiTchuẩn bị hồ sơ, trong đó phải có các giấy tờ bắt buộc theo quy định gồm: Giấy chuyển hộ khẩu, phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu do Công an địa phương nơiTcư trú trước đó cấp. Khoảng 04 tháng sau, ông B trình bày các giấy tờ trênTkhông có. M B với ông B nóiTvề địa phương cũ xin cấp lại nhưng ông B trình bày nhàTở xa, việc đi lại xin giấy tờ gặp nhiều khó khăn nên nhờ M linh động giúp. M yêu cầu ông B dẫnTđến UBND xã N để xem mặt và hỏi một số nội dung liên quan. KhiTđến, M yêu cầuTcung cấp giấy tờ tùy thân và các giấy tờ liên quan đến việc nhập khẩu thìTnói đã làm mất. Mặc dù biết rõ việc nhập khẩu cho Đặng A Tvào hộ gia đình nhà ông B khiTkhông xuất trình được các giấy theo quy định tại Điểm 1, Mục II, Thông tư số 06/2007/TT-BCA-C11 ngày 01/7/2007 của Bộ Công an (hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật cư trú và Nghị định số 107/2007/NĐ-CP ngày 25/6/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật cư trú) là trái quy định của pháp luật nhưng vì nể nang tình cảm với ông B nên M vẫn thực hiện việc nhập khẩu cho Tài. Cụ thể, M đưa mẫu Bản khai nhân khẩu và hướng dẫnTkê khai nhưngTnói không biết chữ nên ông B đã viết hộ nội dung choTsau đóTký tên vào phần người khai. M trực tiếp ghi thông tin nhập khẩu của Đặng A Tvào sổ hộ khẩu của gia đình ông Đoàn Văn B và ghi ngày 15/12/2007. Để hợp pháp hoá việc nhập hộ khẩu cho Đặng A T, Trần Văn M đã nhập tên củaTvào sổ đăng ký chuyển đến của xã N,Tkhai còn có tên gọi khác là Đặng Văn Kim. M hỏi Tài, người ký giấy chuyển hộ khẩu là ai để còn ghi vào mục người ký chuyển khẩu,Tđã cung cấp cho M người ký có tên là Triệu Sáng Lìn.

Tiếp theo vào tháng 7 năm 2008, con gái ông Đoàn Văn B là Đoàn Thị N, sinh năm 1982 (trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định nhưng đã sang làm ăn, sinh sống ở Trung Quốc từ năm 2002) và Đặng A Tcùng nhau đến UBND xã N nhờ M làm giúp thủ tục đăng ký kết hôn. Do cảTvà N đều có hộ khẩu tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (N có hộ khẩu gốc còn Tđã được M giúp nhập khẩu trái pháp luật vào hộ khẩu gia đình ông Đoàn Văn B, là bố đẻ N) nên M hướng dẫn N,Tchuẩn bị và xuất trình chứng M nhân dân (CMND), sổ hộ khẩu theo thủ tục quy định, sau đó M đưa mẫu tờ khai đăng ký kết hôn cho N,Tvề nhà tự khai. Tuy nhiên, do sợ viết sai nên N,Tđã mang các giấy tờ trên đến UBND xã N nhờ M viết

hộ. M viết xong tờ khai trên, N vàTcùng ký tên xác nhận. Căn cứ hồ sơ đăng ký kết hôn, M viết các thông tin củaTvà N vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đề ngày 09/7/2008 rồi trình ông Nguyễn Văn Dũng (Phó Chủ tịch UBND xã N) ký và vào sổ đăng ký kết hôn của xã N, huyện N và cấp cho Tài, N.

Tháng 10 năm 2008, Đoàn Thị N có nhu cầu làm giấy khai sinh cho con gái là Đặng Nhật Lệ, sinh năm 2003 nên đã liên hệ nhờ Trần Văn M giúp. M yêu cầu N cung cấp hồ sơ khai sinh theo quy định, trong đó bắt buộc phải có giấy chứng sinh, nhưng N nói không có. Mặc dù N không xuất trình được bất cứ giấy tờ gì theo quy định tại Nghị Định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính Phủ nhưng vì nể nang nên M vẫn đồng ý giúp N. Do hết phôi giấy khai sinh bản chính nên M đã trao đổi với N và tự ý làm bản sao Giấy khai sinh cho cháu Lệ ghi số 104 và ngày cấp sao là ngày 10/10/2008, đã đăng ký khai sinh ngày 09/7/2008. Hoàn thiện xong, M trình ông Nguyễn Xuân Toán (Phó Chủ tịch UBND xã N) ký, cấp. Cùng thời điểm trên, M tiến hành nhập khẩu cho Đặng Nhật Lvào hộ gia đình ông Đoàn Văn B (đề ngày 10/9/2007) theo nguyện vọng của N. Cơ quan ANĐT tiến hành kiểm tra sổ đăng ký khai sinh hiện lưu giữ tại UBND xã N đã xác định trong danh sách cấp đăng ký khai sinh, không có công dân nào mang tên Đặng Nhật Lđược đăng ký khai sinh và ngày 09/7/2008 không có công dân nào đến UBND xã N đăng ký khai sinh. Số thứ tự 104 trong sổ đăng ký khai sinh năm 2008 được cấp cho công dân Nguyễn Thị Xuân Hiên, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008 và đăng ký khai sinh ngày 10 tháng 11 năm 2008.

Cuối năm 2010, Đoàn Thị N tiếp tục liên hệ nhờ Trần Văn M làm giúp Giấy khai sinh cho 03 con là Đặng Nhật L Đặng Nhật T, Đặng Nhật Q. Mặc dù N cũng không xuất trình được Giấy chứng sinh hoặc bất cứ giấy tờ gì để chứng M nhân thân của 03 con theo quy định tại Nghị Định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính Phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch, nhưng vì nể nang tình cảm nên M vẫn đồng ý làm giúp. Cụ thể: M làm 01 bản chính và 01 bản sao giấy khai sinh cho Đặng Nhật L, 01 bản chính và 01 bản sao giấy khai sinh cho Đặng Nhật Trân cùng đề ngày đăng ký 10/11/2010. Đối với Đặng Nhật Q, M làm 01 bản chính và 01 bản sao giấy khai sinh đề ngày đăng ký 10/12/2010. Về phương thức, thủ đoạn được M thực hiện như sau: M lấy mẫu giấy khai sinh và viết các thông tin cá nhân của các con của N, tự ý điền các số thứ tự của giấy khai sinh, ghi nơi sinh tại Trạm y tế xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Hoàn thiện xong, M trình ông Nguyễn Xuân Toán (Phó Chủ tịch UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định) ký cấp. Theo đó, giấy khai sinh của Đặng Nhật Lmang số thứ tự 108; giấy khai sinh của Đặng Nhật Trân mang số thứ tự 19; giấy khai sinh của Đặng Nhật Q mang số thứ tự 116. Qua kiểm tra xác M cả 03 người con trên của N đều không có tên trong sổ đăng ký khai sinh

năm 2010 của xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; số thứ tự 108 thể hiện người được cấp giấy khai sinh là cháu Nguyễn M An, sinh ngày 09/8/2010, được đăng ký khai sinh ngày 18/11/2010; số 19 cấp cho Trần Thị Thư, sinh ngày 01/01/2010, được đăng ký khai sinh ngày 10/3/2010; số tứ tự 116 cấp cho Nguyễn Thị Hồng Nhung, sinh ngày 08/11/2010, được đăng ký khai sinh ngày 07/12/2010.

Đến tháng 4 năm 2016, Đoàn Thị N tiếp tục liên hệ nhờ Trần Văn M làm giấy khai sinh cho con thứ tư là Đặng Nhật D. N không xuất trình được giấy chứng sinh của Dũng theo quy định, nhưng vì nể nang, tình cảm M vẫn đồng ý làm giúp cũng với phương thức nhập thông tin cá nhân, soạn thảo nội dung giấy khai sinh trên máy tính theo mẫu sau đó trình ông Nguyễn Văn Dũng (Phó Chủ tịch UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định) ký cấp. Nội dung giấy khai sinh thể hiện cháu Đặng Nhật D, sinh ngày 29/5/2015; nơi sinh: Xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, được đăng ký khai sinh ngày 26/4/2016, có số thứ tự khai sinh là 43. Sau đó, M tiến hành nhập khẩu cho cháu Dũng vào hộ khẩu gia đình Đặng A T. Kết quả điều tra, xác định trong sổ đăng ký khai sinh năm 2016 của xã N không có ai tên là Đặng Nhật D với các thông tin như trên. Tại số thứ tự số 43 trong sổ đăng ký khai sinh thể hiện người được cấp giấy khai sinh là Trần Hà Phương, sinh năm 16/4/2016, được đăng ký khai sinh ngày 26/4/2016.

Tại Cơ quan ANĐT, bị can Trần Văn M thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân trong việc giúp ông Đoàn Văn B nhập hộ khẩu trái phép cho Đặng A Tvào hộ khẩu gia đình ông B; Đăng ký kết hôn không đảm B các thủ tục theo quy định của pháp luật cho Đặng A Tvà Đoàn Thị N; đăng ký khai sinh cho Đặng Nhật L Đặng Nhật T, Đặng Nhật Q, Đặng Nhật D; nhập khẩu, tách hộ khẩu cho Đặng A T, Đoàn Thị N và 04 con của họ ra khỏi hộ khẩu gia đình ông Đoàn Văn B thành hộ khẩu riêng cư trú tại xã N mặc dù những người này không sinh sống tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định mà qua xác M gia đình cung cấp họ đang sinh sống tại Trung Quốc, trong đó Đặng A T, Đặng Nhật L Đặng Nhật T, Đặng Nhật Q, Đặng Nhật D có quốc tịch Trung Quốc. Trần Văn M không biết chính xác nhân thân lai lịch của Đặng A Tmà chỉ nghe qua ông Đoàn Văn B giới thiệu là người dân tộc Dao, sinh sống ở tỉnh Lạng sơn, Việt Nam và Đoàn Thị N con gái ông B vượt biên sang Trung Quốc làm ăn thì gặp, quen biết và kết hôn với Đặng A T. Việc nhập hộ khẩu cho Đặng A Tvào hộ khẩu gia đình ông Đoàn Văn B là trái pháp luật nên việc đăng ký kết hôn cho Đặng A Tvà Đoàn Thị N là hệ quả của việc làm sai mặc dù thủ tục và trình tự đăng ký kết hôn là đúng và đầy đủ. Khi đăng ký khai sinh cho 04 người con của Tài, N nhưng M hoàn toàn không biết thông tin và không được cung cấpTliệu của họ mà đều do Đoàn Thị N cung cấp các thông tin về tên, tuổi, ngày tháng năm sinh. Để tránh hành vi sai phạm bị phát

giác, M không ghi nội dung đăng ký khai sinh cho 04 con của Tài, N vào sổ đăng ký khai sinh của xã N vì M biết rõ nếu ghi thông tin vào sổ đăng ký khai sinh mà không có hồ sơ lưu đầy đủ theo quy định thì định kỳ hàng năm Phòng tư pháp huyện N kiểm tra việc thực hiện công tác Tư pháp - hộ tịch phát hiện sai phạm thì sẽ bị xử lý và hủy kết quả đăng ký.

Trần Văn M khẳng định việc giúp ông Đoàn Văn B và Đoàn Thị N trong việc giúp Đặng A Tnhập hộ khẩu trái phép vào hộ khẩu gia đình ông Đoàn Văn B dẫn đến đăng ký kết hôn không đảm B các thủ tục cho Đặng A Tvà Đoàn Thị N và đăng ký khai sinh cho Đặng Nhật L Đặng Nhật T, Đặng Nhật Q, Đặng Nhật D và nhập khẩu, tách hộ khẩu cho Đặng A T, Đoàn Thị N và 04 con của họ ra khỏi hộ khẩu gia đình ông Đoàn Văn B xuất phát từ động cơ là nể nang cá nhân đối với ông B vì là tình làng nghĩa xóm, cũng có lần Đoàn Thị N đưa tiền để bồi dưỡng nhưng M không nhận.

Trần Văn M khai: khi trình các ông Nguyễn Xuân Toán, Nguyễn Văn Dũng và Vũ Văn Dương ký các giấy tờ trái pháp luật của Đặng A T, Đoàn Thị N và Đặng Nhật L Đặng Nhật T, Đặng Nhật Q, Đặng Nhật D thì những người này không kiểm tra hồ sơ, M không nói và họ cũng không biết là các giấy tờ trái pháp luật.

Ngoài việc giúp Đặng A Tnhập khẩu vào gia đình ông Đoàn Văn B; giúp 04 con của Đoàn Thị N và Đặng A Tđược cấp giấy khai sinh, Trần Văn M còn giúp tách khẩu cho vợ chồng N,Tcùng các con. Cụ thể: Khoảng cuối tháng 3/2011, bà Phạm Thị Thoa, sinh năm 1956, trú tại xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (là vợ ông Đoàn Văn B, là mẹ đẻ Đoàn Thị N) cùng chị N đến UBND xã N gặp M nhờ tách hộ khẩu cho vợ chồng N,Ttừ hộ khẩu gia đình ông B. M đồng ý và hướng dẫn chuẩn bị các thủ tục gồm: Sổ hộ khẩu gốc của gia đình ông Đoàn Văn B và các giấy tờ được lập bất hợp pháp của Tài, N cùng các con mà M đã giúp hoàn thiện trước đó như Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, giấy khai sinh… Sau khi có đủ các giấy tờ cần thiết, M đã thực hiện tách khẩu cho vợ chồng Tài, N và con Đặng Nhật Lđồng thời nhập khẩu cho Đặng Nhật Trân, Đặng Nhật Q vào hộ khẩu mới mang tên chủ hộ là Đặng A Tvà hoàn thiện các thông tin trong sổ hộ khẩu sau đó ký vào mục cán bộ đăng ký và trình ông Vũ Văn Dương (Trưởng Công an xã N) ký duyệt hoàn thành việc lập sổ hộ khẩu số 410135277, cấp ngày 24/3/2011, mang tên chủ hộ là Đặng A T, sinh năm 1971, trú tại xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại Cơ quan ANĐT, Trần Văn M khai: Mặc dù thời điểm từ cuối năm 2010, Trần Văn M không còn đảm nhiệm chức danh Phó trưởng Công an xã N mà chỉ đảm nhiệm chức danh Hộ tịch - tư pháp xã theo quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 13/10/2010 của UNBD huyện N, tỉnh Nam Định nhưng M vẫn thực hiện việc

tách hộ khẩu, nhập hộ khẩu cho gia đình Tài, N là vì: Ngày 24/12/2010, UBND xã N tổ chức hội nghị để Trần Văn M bàn giao chức danh Phó trưởng công an xã cho ông Nguyễn Đình Phúc theo quyết định của UBND huyện N. Trong buổi làm việc trên, M không nhớ ông Vũ Văn Dương (Trưởng công an xã) hay ông Phạm Hồng Quảng (Cán bộ văn phòng UBND xã) truyền đạt lại ý kiến của lãnh đạo UBND xã về việc M tiếp tục phụ trách công tác hộ khẩu, còn ông Phúc đảm nhận công tác an ninh trật tự. Thấy việc lãnh đạo giao như trên không phù hợp, M đã đề xuất với ông Vũ Văn Dương về việc chuyển toàn bộ công tác hộ khẩu cho Công an xã theo quy định. Ông Dương nói sẽ báo cáo lại để lãnh đạo UBND quyết định. Sau đó, ông Dương trao đổi lại việc ông Phạm Văn Dương, Chủ tịch UBND xã N có ý kiến chỉ đạo M tiếp tục thực hiện việc đăng ký quản lý hộ khẩu với lý do ông Phúc chưa quen công việc mới, tâm lý chưa ổn định. M đã trực tiếp gặp ông Phạm Văn Dương để trao đổi nội dung trên thì được ông Dương chỉ đạo thực hiện như ông Vũ Văn Dương đã nói. Do vậy, M đã thực hiện công tác quản lý hộ khẩu của xã N đến tháng 11/2016. Sau đó, thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của ông Phạm Hồng Quảng (Chủ tịch UBND xã N nhiệm kỳ 2015 – 2020) M bàn giao công tác đăng ký, quản lý hộ khẩu cho ông Phúc.

Ngày 15/5/2019, tổ công tác của Công an tỉnh Nam Định (PA08) làm việc với UBND xã N về nội dung Trần Văn M thực hiện việc nhập khẩu cho Đặng A T. Quá trình làm việc với tổ công tác, M trình bày nội dung nhập khẩu cho Đặng A Tvào hộ nhà ông Đoàn Văn B là đầy đủ thủ tục nhưng do B quản không tốt nên đã thất lạc hồ sơ. Tổ công tác đã lập biên bản và yêu cầu M tìm lại hồ sơ, xuất trình để tổ công tác kiểm tra theo thời hạn quy định. Để làm rõ nhân thân, lai lịch của Đặng A T, M đã đề nghị ông Phạm Hồng Quảng cử cán bộ đến công an xã Mẫu Sơn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn để xác M. Do không bố trí được cán bộ, ông Quảng đã B M tự đến công an xã Mẫu Sơn xác M. Để tạo điều kiện thuận lợi cho M, ngày 24/5/2019, ông Quảng đã ký giấy giới thiệu công tác mặc dù thời điểm trên M đã nghỉ hưu. Khi đến liên hệ công tác và trao đổi nội dung công việc, ông Dương Chằn Pảo cung cấp tại xã Mẫu Sơn không có ai tên là Đặng A T, chỉ có người là Đặng Văn Kim (con ông Đặng Tắc Lầu và bà Hà Thị Múi) đã cùng gia đình sang Trung Quốc từ năm 1981, năm 2014 Đặng Văn Kim có về Việt Nam thăm thân và có gặp ông Pảo. Do lo sợ những việc làm sai phạm trước đây của bản thân liên quan đến Đặng A Tbị cơ quan chức năng phát hiện và xử lý, M đã nhờ ông Pảo xác nhận nội dung Đặng Văn Kim có hộ khẩu thường trú tại xã Mẫu Sơn. Ông Dương Chằn Pảo khai với Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Lạng Sơn (được uỷ thác điều tra) là do nể nang M về hoàn cảnh đường xá xa xôi lên công tác nên ông Pảo đã đồng ý xác nhận nội dung như M yêu cầu. M đã cầm giấy xác nhận trên chuyển cho ông

Phạm Hồng Quảng thông qua Văn phòng UBND xã N. Tuy nhiên, để đảm B trình tự pháp lý theo quy định, M đã nhờ ông Nguyễn Đình Phúc ký phiếu xác M hộ khẩu, nhân khẩu của Đặng A T, tên gọi khác là Đặng Văn Kim gửi công an xã Mẫu Sơn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn để nhằm hoàn thiện các thủ tục hợp pháp việc nhập khẩu của Đặng A T. Tuy nhiên ông Pảo đã xác nhận lại nội dung theo đúng sự thật là: Đặng A Tcó bố là Đặng Tắc Lầu, mẹ là Hà Thị Múi đã chạy sang Trung Quốc từ năm 1981 và bị xóa hộ khẩu tại địa phương từ năm 1982.

Cơ quan ANĐT tổ chức để ông Dương Chằn Pảo nhận dạng qua bản ảnh, kết quả ông Pảo nhận dạng đúng Đặng Văn Kim và Đặng A Tlà một người .

Khám xét nơi ở đối với Trần Văn M, Cơ quan ANĐT thu giữ một sốTliệu có liên quan, gồm: 05 quyển sổ hộ khẩu của một số hộ ở xã N, huyện N và 01 giấy khai sinh (bản chính). Quá trình điều tra, xác định 05 quyển sổ hộ khẩu của một số hộ ở xã N, huyện N, tỉnh Nam Định là do các hộ dân ở xã N nhờ M cấp đổi sổ mới nhưng do sai sót hoặc nhờ M giữ hộ sổ cũ và M mang về nhà cất giữ nên không liên quan đến hành vi phạm tội của M. Đối với 01 (một) giấy khai sinh có nội dung: Giấy khai sinh bản chính (cấp lại) cho Trần Vĩnh Huy, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1998; nơi sinh phường Nam Sơn, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, ngày đăng ký khai sinh 24/7/2015; người ký cấp là ông Vũ Ngọc Huy, Phó Chủ tịch UBND xã N. Trần Văn M khai do trước đây đăng ký, giấy khai sinh của Huy chưa có tên bố đẻ nên đến năm 2015, bà Vũ Thị Thanh (là mẹ đẻ của Trần Vĩnh Huy), sinh năm 1973, trú tại phường Nam Sơn, Thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đến UBND xã N để xin cấp lại giấy khai sinh và bổ sung tên bố đẻ của Huy là Trần Văn Tá, sinh năm 1976, trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Mặc dù tại thời điểm xin cấp lại giấy khai sinh cho Huy, bà Thanh không xuất trình bất kỳ giấy tờ gì theo quy định nhưng vì nể ông Tá là người cùng địa phương nên M vẫn đồng ý giúp. Hoàn thiện nội dung giấy khai sinh, M trình ông Vũ Ngọc Huy (Phó Chủ tịch UBND xã N) ký cấp. Khi nhận lời bà Thanh, Trần Văn M có giao hẹn với bà Thanh khi nào mang các thủ tục đến hoàn thiện thì M giao giấy khai sinh cho nhưng bà Thanh không quay lại lấy, sau đó khi suy nghĩ lại, M thấy việc làm này vi phạm pháp luật nên không giao giấy khai sinh trên cho bà Thanh mà cất giữ tại nhà. Cơ quan ANĐT làm việc với UBND xã N và đã xác định trong sổ đăng ký khai sinh năm 2015 không có trường hợp nào tên là Trần Vĩnh Huy, ngày 24/7/2015 không có công dân nào đến UBND xã N đăng ký khai sinh. Số đăng ký khai sinh (số 78) cấp cho Trần Vĩnh Huy thể hiện tên khác là Đoàn Thị Vy Oanh, sinh ngày 03/7/2015; nơi sinh Bệnh viện đa khoa Nghĩa Bình, Nghĩa Hưng, Nam Định. Cơ quan điều tra tiến hành xác M về ông Trần Văn Tá, bà Vũ Thị Thanh và anh Trần Vĩnh Huy nhưng

tất cả những người này hiện tại đã vào miền Nam sinh sống và vắng mặt tại địa phương lâu ngày, chính quyền xã không biết họ ở đâu nên Cơ quan ANĐT không có thông tin để xác M.

* Cơ quan ANĐT quyết định trưng cầu giám định một sốTliệu đã thu thập. Tại bản kết luận giám định số: 778/KLGĐ-PC09 ngày 10/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định, kết luận: Chữ ký, chữ viết trên cácTliệu: Sổ hộ khẩu gia đình ông Đoàn Văn B; sổ hộ khẩu mang tên Đặng A T; giấy kết hôn Đặng A T- Đoàn Thị N; các giấy khai sinh bản chính và các giấy khai sinh bản sao mang tên Đặng Nhật L Đặng Nhật T, Đặng Nhật Q và mẫu chữ ký, chữ viết của Trần Văn M do Cơ quan ANĐT thu thập là do một người ký và viết ra.

Hình dấu "C.A xã N - C.A.H. Nghĩa Hưng T. Nam Định - C.H.X.H.C.N Việt Nam" và hình dấu "UBND xã N - H. Nghĩa Hưng T.Nam Định" và các chữ viết, chữ ký của các ông Nguyễn Xuân Toán, Nguyễn Văn Dũng (phó Chủ tịch UBND xã N), Vũ Văn Dương (trưởng CA xã N) là đúng với mẫu dấu của Công an xã N, mẫu dấu của UBND xã N và chữ ký của các ông Nguyễn Xuân Toán, Nguyễn Văn Dũng và Vũ Văn Dương.

* Cơ quan ANĐT tiến hành xác M nhân thân đối với Đoàn Thị N, Đặng A Tcùng các con Đặng Nhật L Đặng Nhật T, Đặng Nhật Q, Đặng Nhật D nhưng họ đều không có mặt tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Bà Phạm Thị Thoa, sinh năm 1956, trú tại xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (là mẹ đẻ Đoàn Thị N) cung cấp Đoàn Thị N, Đặng A Tcùng các con Đặng Nhật L Đặng Nhật T, Đặng Nhật Q, Đặng Nhật D hiện đang sinh sống tại Trung Quốc nhưng không rõ nơi ở cụ thể.

Tuy nhiên, trước khi vụ án được khởi tố Đoàn Thị N có về Việt Nam làm việc với Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định và khai báo: Năm 2002, N vượt biên trái phép sang tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc lao động tự do và kết hôn với Đặng Đăng Kim, sinh năm 1969, là người Hoa kiều trước đây sinh sống tại Việt Nam nhưng đã bỏ sang Trung Quốc từ năm 1981 - 1982 và nay là người có quốc tịch Trung Quốc. Năm 2003, N sinh con đầu (Đặng Nhật Lệ) và có về Việt Nam cùng Kim sinh sống khoảng 01 năm, sau đó trở về Trung Quốc sinh sống tại Nông trường Tây Thiên, Thành Lượng, Ninh M, Quảng Tây, Trung Quốc. Đến năm 2008, khi đang mang thai con thứ hai, N cùng Kim lại về Việt Nam, vào tỉnh Đồng Nai làm việc và sinh con thứ hai (Đặng Nhật Trân) tại tỉnh Đồng Nai nhưng không nhớ tại đâu. Đến tháng 7/2009, N và chồng con trở về Trung Quốc và năm 2010 sinh con thứ ba (Đặng Nhật Q), năm 2012 sinh con thứ tư (Đặng Nhật D). Từ đó N và chồng con sinh sống tại Trung Quốc thi

thoảng có vượt biên trái phép về Việt Nam. Đến ngày 04/6/2019 được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Nam Ninh, Trung Quốc cấp hộ chiếu Việt Nam số N2075129. N khai: Sau khi kết hôn với Kim và sinh con do bố đẻ (ông Đoàn Văn B) có mong muốn vợ chồng N về Việt Nam sinh sống. Khoảng năm 2016, trong quá trình thu dọn nhà cửa, N tìm thấy trong tủ cá nhân của mẹ chồng có một quyển sổ, mặt trước trang bìa có in chữ *"sổ hộ khẩu"* bằng tiếng Việt. N mở ra đọc thấy thông tin tên chủ hộ là Đặng Tắc Lầu, vợ là Hà A Múi (nhưng không nhớ năm sinh của 2 người này) và tên các con, trong đó có người tên là Đặng A T, sinh năm 1971. Lúc đó, N mới biết chồng mình, tức Đặng Đăng Kim còn có tên gọi khác là Đặng A T. N còn nhớ được thông tin địa chỉ thường trú của gia đìnhTtrên sổ hộ khẩu là ở thôn Khuổi Đeng, xã Mẫu Sơn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Sau đó khi về Việt Nam, N có đưa các giấy tờ này cho ông B và ông B nhờ Trần Văn M nhập khẩu cho Đặng A Tvào hộ khẩu của gia đình ông B, việc ông B nhờ M làm như thế nào N không biết. Tiếp đó vào các năm 2009, 2010, 2011, 2016 N trực tiếp nhờ Trần Văn M làm giúp việc đăng ký kết hôn giữa N với Tài, làm các giấy khai sinh, nhập hộ khẩu và tách hộ khẩu cho vợ chồng N,Tcùng các con. Đoàn Thị N khẳng định chồng chị là Đặng Đăng Kim (Đặng A T) và 04 người con đều mang quốc tịch Trung Quốc và mục đích của N khi nhờ M nhập hộ khẩu cho Tài, đăng ký kết hôn và làm giấy khai sinh, nhập hộ khẩu, tách hộ khẩu cho vợ chồng N,Tcùng các con là nhằm mục đích để sau này các con của N có về Việt Nam thì có thể đi học, được tiêm chủng và không bị xoá hộ khẩu, hộ tịch tại Việt Nam. Còn về nội dung Đặng A Tcó về Việt Nam để làm thẻ Căn cước công dân thì N không trực tiếp biết mà chỉ ngheTkể lại là có đến Công an huyện N để làm thẻ Căn cước công dân. N đã giao nộp lại thẻ Căn cước công dân số 020071000040 mang tên Đặng A T, sinh năm 1971, quốc tịch Việt Nam.

* Tiến hành xác M tại Trạm y tế xã N, huyện N, tỉnh Nam Định xác định: trong các năm 2003, 2009, 2010, 2015 Trạm y tế xã N không đỡ đẻ cho sản phụ có tên là Đoàn Thị N và không cấp giấy chứng sinh cho các trường hợp tên Đặng Nhật L Đặng Nhật T, Đặng Nhật Q và Đặng Nhật D.

* Đối với ông Đoàn Văn B đã chết nên không có căn cứ xác định hành vi có liên quan.

* Công an huyện N đã thực hiện việc huỷ bỏ kết quả đăng ký thường trú đối với Đặng A T, Đoàn Thị N và Đặng Nhật L Đặng Nhật T, Đặng Nhật Q, Đặng Nhật D.

Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Trần Văn M phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 281; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt Trần Văn M từ 36 tháng đến 42 tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Văn M trình bày quan điểm: Nhất trí với tội danh như đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định. Nhất trí với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định. Tuy nhiên, mong Hội đồng xét xử xét bị cáo sức khoẻ yếu, bị cáo có thành tích trong công tác, bố bị cáo có tham gia kháng chiến và được tặng thưởng huân chương. Đề nghị căn cứ điểm p,s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự mong Hội đồng xét xử tuyên cho bị cáo một bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào cácTliệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 01/4/2019, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ công an có yêu cầu Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Nam Định (Phòng PA08) xác M việc cấp hộ chiếu cho Đoàn Thị N, sinh năm 1982; quê quán: Xã N, huyện N, tỉnh Nam Định nhưng đang sinh sống ở nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (sau đây viết tắt là Trung Quốc). Phòng PA08- Công an tỉnh Nam Định tiến hành xác M và kết quả như sau: Tháng 3/2019, Đoàn Thị N nộp hồ sơ xin cấp hộ chiếu Việt Nam tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Nam Ninh, Trung Quốc. Trong hồ sơ của Đoàn Thị N có thông tin chồng là Đặng Đăng Kim (Deng Deng Jin), quốc tịch Trung Quốc, sinh ngày 18/3/1969, có chứng M nhân dân (hoặc căn cước công dân) Trung Quốc số 450603196903180659, cấp ngày 10/7/2012; hộ chiếu Trung Quốc số EA40900032, cấp ngày 02/6/2017. Ngoài ra, trong hồ sơ trên còn có các giấy tờ liên quan đến hộ khẩu gia đình ông Đoàn Văn B, sinh năm 1952; trú tại: Xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, thể hiện: ông B có con gái là Đoàn Thị N, sinh ngày 20/7/1982, con rể là Đặng A T, sinh ngày 29/9/1971, quê quán: huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, căn cước công dân (CCCD) số 020071000040. Vợ chồng N,Tcó 04 con gồm: Đặng Nhật Lệ, sinh năm 2003, Đặng Nhật Trân, sinh năm

2009, Đặng Nhật Q, sinh năm 2010 và Đặng Nhật D, sinh năm 2015.

Phòng PA08 - Công an tỉnh Nam Định phối hợp cùng Công an huyện N, tỉnh Nam Định tiếp tục xác M và phát hiện Trần Văn M, sinh năm 1958, trú tại xóm 15, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, nguyên là cán bộ Tư pháp - Hộ tịch; nguyên là Phó trưởng Công an xã N, huyện N, tỉnh Nam Định có dấu hiệu thực hiện hành vi trái pháp luật trong việc đăng ký hộ khẩu hộ tịch, đăng ký kết hôn, khai sinh, nhập khẩu và tách khẩu cho Đặng A T(tên gọi khác là Đặng Đăng Kim) và Đặng Thị N cùng các con của hai người này. Phòng PA08 đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định để điều tra làm rõ sau khi được Bộ Công an đồng ý giao thẩm quyền điều tra.

Do vậy, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào cácTliệu chứng cứ đã được cơ quan điều tra thu thập, căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên toà; Biên bản niêm phongTliệu, đồ vật; Bản kết luận giám định; Lời khai của người làm chứng và cácTliệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2007 đến năm 2016, với chức trách nhiệm vụ là cán bộ Tư pháp - Hộ tịch và Phó trưởng Công an xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, vì động cơ cá nhân là nể nang tình cảm với ông Đoàn Văn B và chị Đoàn Thị N, Trần Văn M nhiều lần lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, đã có hành vi nhập hộ khẩu trái phép cho Đặng A Tvào hộ khẩu gia đình ông B khi không có các giấy tờ, thủ tục theo quy định dẫn đến việc đăng ký kết hôn không đảm B các thủ tục cho Đặng A Tvà Đoàn Thị N; cấp giấy khai sinh (cả bản chính và bản sao) cho 04 con của Đoàn Thị N, Đặng A Tlà Đặng Nhật L Đặng Nhật T, Đặng Nhật Q, Đặng Nhật D mà không có giấy tờ,Tliệu chứng M những thông tin cá nhân, lai lịch của họ; nhập khẩu, tách hộ khẩu cho Đặng A T, Đoàn Thị N và 04 con của họ ra khỏi hộ khẩu gia đình ông Đoàn Văn B thành hộ khẩu riêng có địa chỉ cư trú tại xã N mặc dù những người này không sinh sống tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định mà qua xác M thì gia đình cung cấp họ đang sinh sống tại Trung Quốc. Trong đó Đặng A T, Đặng Nhật L Đặng Nhật T, Đặng Nhật Q, Đặng Nhật D có quốc tịch Trung Quốc.

Hành vi nêu trên của Trần Văn M đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước trong công tác đăng ký quản lý hộ tịch và đăng ký quản lý cư trú, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự xã hội; xâm phạm đến lợi ích cá nhân của những người đã cấp giấy khai sinh mang cùng số đăng ký với Đặng Nhật L Đặng Nhật T, Đặng Nhật Q, Đặng Nhật D; ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, gây ra hậu quả xấu cho xã hội.

Tại thời điểm Trần Văn M thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành. Tại thời điểm khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử vụ án thì Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. So sánh về tội phạm và hình phạt giữa hai bộ luật thấy: Hành vi phạm tội của Trần Văn M được quy định tương ứng tại Khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999. Mức hình phạt quy định tương ứng tại Khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự năm 2015 và mức hình phạt quy định tương ứng tại Khoản 2 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 là như nhau, đều phạt tù từ năm năm đến mười năm. Căn cứ Khoản 2 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn thi hành BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) thì hành vi của Trần Văn M đã phạm vào tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" với tình tiết "phạm tội nhiều lần" theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999.

Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn M là rất nghiêm trọng. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ cá nhân là nể nang tình cảm mà vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Trần Văn M không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của mình; bị cáo được tặng thưởng bằng khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quân sự quốc phòng địa phương nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p, s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Bị cáo có thời gian tham gia quân đội; bố bị cáo là chiến sỹ Trường Sơn và được tặng huân chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự

1999.

Trên cơ sở xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do vậy, có đủ căn cứ để áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đã truy tố. Như vậy vừa có tác dụng răn đe, giáo dục, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải đối với hành vi sai phạm của mình nhưng cũng đáp ứng được công cuộc đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là công chức xã đã nghỉ hưu; gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Đoàn Văn B (bản gốc), sau khi phục vụ hoạt động điều tra, xét thấy còn liên quan đến các công dân khác nên Cơ quan ANĐT đã sao lục và trả lại cho gia đình ông Đoàn Văn B;
- Sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Đặng A T(bản gốc);
- Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn Đặng A Tvà Đoàn Thị N (bản gốc);
- Giấy khai sinh bản chính số 108, mang tên Đặng Nhật Lệ;
- Giấy khai sinh bản sao số 104, ngày 9/7/2008, mang tên Đặng Nhật Lệ;
- Giấy khai sinh bản sao số 104, ngày 10/11/2010, mang tên Đặng Nhật Lệ;
- Giấy khai sinh bản chính số 19, mang tên Đặng Nhật Trân;
- Giấy khai sinh bản sao số 19, mang tên Đặng Nhật Trân;
- Giấy khai sinh bản chính số 116, mang tên Đặng Nhật Trân;
- Giấy khai sinh bản sao số 116, mang tên Đặng Nhật Trân;
- Giấy khai sinh bản sao số 43, mang tên Đặng Nhật D;

CácTliệu trên (trừ sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Đoàn Văn B) được xác định là vật chứng dạngTliệu của vụ án nên cần lưu chuyển theo hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với các ông: Nguyễn Xuân Toán, sinh năm 1953; trú tại xóm 12, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nguyên Phó Chủ tịch UBND xã N từ năm 2004 đến năm 2011); ông Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1964, trú tại: Xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nguyên Phó Chủ tịch UBND xã N từ tháng 5/2005 đến tháng 7/2016) và ông Vũ Văn Dương, sinh năm 1959, trú tại xóm 15, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nguyên trưởng công an xã N từ tháng 5/2005 đến tháng 4/2019) là những người đã ký các giấy tờ về đăng ký kết hôn, giấy khai

sinh, nhập hộ khẩu cho Đoàn Thị N, Đặng A Tvà 04 người con của họ do Trần Văn M tham mưu giúp việc. Bản thân ông Toán, ông Dũng, ông Dương không biết và không được Trần Văn M cho biết đó là các giấy tờ trái pháp luật nên không có căn cứ xác định ông Nguyễn Xuân Toán, ông Nguyễn Văn Dũng và ông Vũ Văn Dương đồng phạm với Trần Văn M làm trái công vụ trong việc nhập hộ khẩu trái phép cho Đặng A Tvào hộ khẩu gia đình ông B dẫn đến đăng ký kết hôn không đảm B các thủ tục cho Đặng A Tvà Đoàn Thị N; cấp giấy khai sinh (cả bản chính và bản sao) cho 04 con của Đoàn Thị N, Đặng A Tlà Đặng Nhật L Đặng Nhật T, Đặng Nhật Q, Đặng Nhật D. Quá trình điều tra, ông Nguyễn Xuân Toán, ông Nguyễn Văn Dũng và ông Vũ Văn Dương đều khai nhận do tin tưởng M đã kiểm tra, hoàn thiện đầy đủ thủ tục nên không hỏi, không yêu cầu M trình hồ sơ, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra thủ tục mà vẫn ký các loại giấy tờ nêu trên. Việc làm của những người này có dấu hiệu của hành vi thiếu trách nhiệm nhưng chưa gây thiệt hại về vật chất nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

- Đối với ông Phạm Văn Dương, sinh năm 1958; trú tại xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nguyên Chủ tịch UBND xã N từ năm 2004 đến năm 2015). Ngày 24/12/2010, UBND xã N tổ chức hội nghị bàn giao nhiệm vụ chức danh tư pháp hộ tịch làm công tác Phó trưởng Công an xã giữa ông Trần Văn M với ông Nguyễn Đình Phúc. Tuy nhiên, sau khi tổ chức hội nghị bàn giao, Trần Văn M khai được ông Phạm Văn Dương chỉ đạo tiếp tục thực hiện công tác tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đăng ký, quản lý cư trú với lý do ông Nguyễn Đình Phúc, nguyên Bí thư Đảng ủy xã N mới được bổ nhiệm chức danh Phó Trưởng công an xã nên chưa quen việc. Tiến hành đối chất giữa ông Phạm Văn Dương và Trần Văn M, kết quả cả hai đều giữ nguyên nội dung đã khai báo nên không đủ căn cứ để xác định trách nhiệm hình sự đối với ông Phạm Văn Dương.

- Ông Phạm Hồng Quảng, sinh năm 1965; trú tại xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Chủ tịch UBND xã N từ tháng 7/2015 đến nay). Khoảng cuối tháng 4/2019, sau khi làm việc với Công an tỉnh Nam Định về nội dung có liên quan đến Trần Văn M trong việc nhập khẩu cho Đặng A T. Ông Quảng đã yêu cầu M giải trình về sai phạm của bản thân, M khẳng định việc nhập khẩu cho Đặng A Tvào hộ nhà ông Đoàn Văn B là đầy đủ thủ tục và đúng quy định, tuy nhiên do công tác B quản hồ sơ không tốt nên đã thất lạc. Trần Văn M đã đề nghị ông Quảng ký giấy giới thiệu để M đến UBND xã Mẫu Sơn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xác M làm rõ thông tin nhân thân của Đặng A T. Do mong muốn sớm làm rõ nội dung sự việc nên mặc dù M đã nghỉ hưu từ tháng 8/2018 nhưng ông Quảng vẫn ký giấy giới thiệu ngày 24/5/2019 cho M. Việc ông Quảng ký giấy giới thiệu để M đến UBND xã Mẫu Sơn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xác M dù M đã nghỉ hưu là có sai phạm. Tuy nhiên, xét tính chất mức

độ hành vi của ông Quảng là không gây ra hậu quả nghiêm trọng nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

- Đối với bà Phạm Thị Thoa, sinh năm 1956; trú tại xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Qua con gái là Đoàn Thị N giới thiệu, bà Thoa biết được người đàn ông tên là Đặng A T, sinh năm 1971, quê quán tại tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam nhưng hiện đang sinh sống ở Trung Quốc. Vợ chồng N sinh sống tại nhà bà Thoa không cố định, thường xuyên đi lại giữa Việt Nam và Trung Quốc. Bà Thoa biết việc chồng mình là ông Đoàn Văn B và N đã nhờ Trần Văn M, cán bộ tư pháp – hộ tịch xã N thực hiện việc nhập khẩu choTvề hộ gia đình ông B và đăng ký kết hôn cho N với Tài. Khoảng đầu năm 2011, sau khi chồng chết, bà Thoa muốn tách khẩu cho vợ chồng N để nhằm mục đích chia đất thừa kế cho con và mong muốn vợ chồng N về sinh sống lâu dài tại xã N. Biết ông B trước đây có mối quan hệ thân thiết với Trần Văn M, bà Thoa dẫn N đến liên hệ nhờ M giúp việc tách khẩu cho gia đình Đặng A T. M đồng ý và hướng dẫn bà Thoa chuẩn bị hồ sơ gồm: Sổ hộ khẩu gia đình bà Thoa, giấy khai sinh của 03 con của vợ chồng N sau đó nộp lại cho M. Một thời gian sau, M đưa sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là Đặng A Tcho gia đình bà Thoa. Bà Thoa cất giữ sổ hộ khẩu trên giúp N. Xét hành vi của bà Phạm Thị Thoa, Cơ quan ANĐT không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Phạm Thị Thoa là phù hợp.

- Đối với Vũ Ngọc Huy, sinh năm 1966, trú tại xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Phó chủ tịch UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định từ tháng 7/2015 đến nay) đã ký giấy khai sinh (bản chính, cấp lại) cho trường hợp Trần Vĩnh Huy, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1998; nơi sinh phường Nam Sơn, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, ngày đăng ký khai sinh 24/7/2015. Tại Cơ quan ANĐT, ông Vũ Ngọc Huy thừa nhận có ký giấy khai sinh cho trường hợp Trần Vĩnh Huy nêu trên nhưng do lâu ngày không nhớ rõ trình tự và thủ tục, bản thân ông Huy không biết Trần Văn M làm sai trong việc cấp lại giấy khai sinh cho Trần Vĩnh Huy nên chưa đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Vũ Ngọc Huy.

- Đối với việc Đặng A Tđược cấp thẻ Căn cước công dân (CCCD) Việt Nam số 020071000040 và hành vi liên quan của chị Đoàn Thị Ca, sinh năm 1984; trú tại: 47/10.B8 – KP9, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (là em ruột Đoàn Thị N). Quá trình điều tra vụ án, các cơ quan chức năng còn phát hiện và thu giữ thẻ Căn cước công dân số 020071000040 mang tên Đặng A T, sinh năm 1971, quốc tịch Việt Nam do Đoàn Thị N giao nộp. Quá trình điều tra xác định có liên quan đến Đoàn Thị Ca.

Tại Cơ quan ANĐT, Đoàn Thị Ca khai nhận*:* Khoảng tháng 6/2017, Đặng A Tvề thăm thân ở xóm 4 xã N, Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định nhưng không đi cùng vợ là Đoàn Thị N.Tgặp Đoàn Thị Ca cũng về thăm gia đình và nhờ Ca dẫn đến Công an huyện N, tỉnh Nam Định để làm căn cước công dân.Tmang theo sổ

hộ khẩu gia đình mang tên Đặng A T và nộp cho cán bộ Công an huyện N, tỉnh Nam Định. DoTkhông biết viết chữ nên Ca viết và ký tên thayTtrên tờ khai căn cước công dân. Sau khi đối chiếu thông tin trong sổ hộ khẩu với tờ khai của Tài, cán bộ Công an huyện N đã lập Phiếu thu nhận thông tin CCCD, có ghi số thẻ là 036071004584. Tuy nhiên, đến ngày 05/7/2017, Đặng A Tđược Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư – Bộ Công an cấp CCCD có số thẻ là 020071000040. Qua kiểm tra, xác M, Cơ quan điều tra phát hiện số thẻ CCCD số 036071004584 được Cục CS ĐKQL và DLQG về dân cư cấp cho công dân Đỗ Hữu Diện, sinh ngày 26/10/1971; hộ khẩu thường trú tại xã Vĩnh Hào, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định vào ngày 23/4/2018. Cơ quan điều tra đã làm việc với Công an huyện N để làm rõ nội dung trên. Kết quả, Công an huyện N cung cấp: Ngày 23/6/2017, Công an huyện N tiếp nhận yêu cầu cấp mới CCCD của Đặng A T, sinh ngày 29/9/1971, hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Công an huyện N đã thực hiện đúng quy trình về tiếp nhận hồ sơ làm CCCD của công dân theo quy định của pháp luật. Về việc trên bản gốc Phiếu thu nhận thông tin CCCD của Đặng A Tghi số 036071004584 nhưngTđược cấp thẻ CCCD số 020071000040 là vì những lỗi hệ thống phần mềm quản lý cấp CCCD. Đối với thẻ CCCD của Đặng A Tdo xác định được cấp trên cơ sở hệ quả của các giấy tờ trái pháp luật nên Cơ quan ANĐT đã báo cáo Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư – Bộ Công an để xử lý.

- Đối với Đoàn Thị N, Cơ quan ANĐT nhận thấy hành vi trên của Đoàn Thị N có dấu hiệu giúp sức cho bị can Trần Văn M thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, hiện N đang vắng mặt tại địa phương, không rõ địa chỉ nên Cơ quan ANĐT chưa thể làm rõ các nội dung liên quan để xử lý trong vụ án này. Cơ quan ANĐT tách hồ sơ liên quan đến hành vi của Đoàn Thị N tiếp tục điều tra, làm rõ trong giai đoạn tiếp theo là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hàng công vụ".

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 281; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Văn M 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19-9-2019.

2. Xử lý vật chứng:

Vật chứng đã thu giữ, xác định là vật chứng dạngTliệu của vụ án nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn M phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ

thẩm.

Báo bị cáo Trần Văn M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Thị Minh Hồng

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- CA; VKS tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại giam Đại An; Bị cáo.
- Lưu hồ sơ; VP.